

Phân định khu vực trong nghiên cứu quốc tế

Hoàng Khắc Nam*

*Khoa Quốc tế học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 21 tháng 2 năm 2007

Tóm tắt. Khu vực là thuật ngữ được sử dụng cả vào bối cảnh trong nước lẫn quốc tế. Việc phân định khu vực có ý nghĩa quan trọng cả về phương pháp luận và thực tiễn. Thế nhưng, trong nghiên cứu quốc tế, quan niệm về khu vực rất khác nhau. Sự khác nhau này nằm trong cả hệ tiêu chí lẫn nội dung từng tiêu chí.

Với mong muốn làm rõ hơn thuật ngữ khu vực, bài viết này xem xét bốn tiêu chí chủ yếu phân định khu vực là sự gắn gũi địa lý, tính thuần nhất về văn hoá - xã hội, sự tương tác kinh tế và chính trị. Từ đó, điểm mạnh và điểm yếu của từng tiêu chí được chỉ ra và phân tích.

Bài viết cũng rút ra một số nhận xét về việc phân định khu vực. Thứ nhất, đó là những nhận xét về thuật ngữ khu vực. Thứ hai, đó là nhận xét về hệ thống tiêu chí trong phân định khu vực. Thứ ba, khu vực được hình thành từ cả điều kiện vật chất lẫn các yếu tố tinh thần. Thứ tư, khu vực không phải là bất biến và hoàn toàn có thể thay đổi bởi nhận thức và thực tiễn. Thứ năm, khu vực có tính mở. Thứ sáu, hầu hết sự phân định khu vực chỉ là tương đối.

Cuối cùng, bài viết nhấn mạnh tầm quan trọng của nghiên cứu khu vực trong nghiên cứu quốc tế. Bài viết cũng đưa ra khuyến nghị về nghiên cứu khu vực trong nghiên cứu quốc tế.

Khu vực (*Region*) là thuật ngữ được sử dụng cả vào bối cảnh trong nước lẫn quốc tế. Vì thế, một số khái niệm chung về khu vực đã được đề ra. Ví dụ, khu vực là nơi “có sự đồng nhất trong tiêu chí xác định được lựa chọn và có sự phân biệt khác với những vùng hoặc khu vực kề cận theo những tiêu chí này”⁽¹⁾ Hay khu vực là “vùng chiếm hữu những đặc điểm chung giúp phân biệt nó với các vùng khác hoặc chiếm giữ các đặc điểm đem lại cho nó tính thống nhất”⁽²⁾; Một khái

niệm khác cho khu vực “là một phần bề mặt, không gian có biên giới hoặc có những đặc điểm nhất định”⁽³⁾. Các cách hiểu trên về khu vực đều có thể áp dụng cho hai trường hợp bên trong quốc gia và liên quốc gia. Điều đó có nghĩa rằng, “Thuật ngữ này được áp dụng cho một vùng có thể khác nhau về quy mô từ các bộ phận nhỏ trong một vùng thủ đô tới các tiểu khu vực lớn hơn trong một lục địa”⁽⁴⁾.

Phân định khu vực cũng được cụ thể hoá trong từng bối cảnh quốc gia và quốc tế. Trong khuôn khổ quốc gia, khu vực được hiểu là “sự phân chia tiếp lãnh thổ quốc gia

*ĐT: 84-4-7730725

E-mail: namhk@vnu.edu.vn

⁽¹⁾ *The New Encyclopedia Britannica* (1991) [1, tr. 304].

⁽²⁾ Hugo. F. Reading, *A Dictionary of the Social Sciences* [1, tr. 305].

⁽³⁾ Hutchinson, *Concise Encyclopedic Dictionary* [1, tr. 305].

⁽⁴⁾ *The McGraw-Hill Dictionary of Modern Economics* (1983)[1, tr. 305].

được phân định ranh giới một cách chính thức cho một chức năng cụ thể nào đó"⁽⁵⁾, hay "sự phân chia hành chính của một đất nước"⁽⁶⁾. Trên quy mô quốc tế, khu vực là "một vùng lãnh thổ được cấu tạo từ hai hay nhiều quốc gia được phân định ranh giới cho một mục đích cụ thể nào đó"⁽⁷⁾. Bài viết này chỉ đề cập đến khu vực liên quốc gia, tức là khu vực bao gồm các quốc gia.

Việc phân định khu vực có ý nghĩa đôi với thực tiễn quan hệ quốc tế của quốc gia. Khu vực là môi trường trực tiếp và chứa đựng nhiều lợi ích quốc gia. Khu vực là nơi diễn ra nhiều hiện tượng quan trọng trong đời sống quốc tế hiện nay như khu vực hoá, hội nhập khu vực, chủ nghĩa khu vực,... Khu vực quy định cách tiếp cận khu vực trong hoạch định chính sách và tạo nên những đặc thù trong quan hệ đối ngoại. Đồng thời, các hiện tượng này cũng đang góp phần quy định xu hướng vận động của thế giới, xây dựng nên hệ thống quốc tế thế giới và từ đó tác động ngược trở lại quốc gia. Tất cả những điều này đều ảnh hưởng lên mục tiêu, lợi ích và quy mô hoạt động của quốc gia trên trường quốc tế.

Ý nghĩa thực tiễn đó quy định sự cần thiết phân định khu vực trong nghiên cứu quốc tế. Phân định khu vực không chỉ giúp chia vùng trong đối tượng nghiên cứu quốc tế. Đó còn là cách tiếp cận và cơ sở phân tích nhiều hiện tượng trong đời sống quốc gia và quốc tế. Vai trò của khu vực cũng góp phần quy định nên cấp độ phân tích khu vực trong nghiên cứu quốc tế... Bởi thế, đã xuất hiện nghiên cứu khu vực (*Regional Studies*) trong ngành Quốc tế học (*International Studies*)

Thế nhưng, trong nghiên cứu quốc tế, quan niệm về khu vực tương đối khác nhau.

Sự khác nhau này nằm trong cả hệ tiêu chí lẫn nội dung từng tiêu chí. Tiêu chí khác nhau dẫn đến cách tiếp cận khác nhau và từ đó là sự phân định khu vực khác nhau. Bên cạnh đó, trong bối cảnh quốc tế hoá và toàn cầu hoá hiện nay, thực tiễn khu vực đang thay đổi đã khiến cho các quan niệm khu vực trước kia tỏ ra chật hẹp. Điều này đặt ra yêu cầu điều chỉnh nhận thức về khu vực. Với mong muốn làm rõ hơn vấn đề đó, bài viết sẽ lần lượt xem xét các tiêu chí phân định khu vực. Sau đó, một số nhận định về khu vực trong bối cảnh hiện nay cũng sẽ được rút ra.

1. Tiêu chí phân định khu vực

Thứ nhất là tiêu chí địa lý. Sự phân định khu vực theo tiêu chí địa lý giúp phản ánh không gian - một yếu tố không thể thiếu của khu vực. Là sự phân định dựa trên các yếu tố vật chất cụ thể, nó dễ đem lại sự hình dung về khu vực hơn. Dựa trên tiêu chí địa lý, có một số cách phân định khu vực. Cách thường thấy vốn đã hình thành từ lâu và được vận dụng rất nhiều là dựa trên bản đồ địa lý hành chính. Tiêu chí có tính lịch sử này rất khó áp dụng cho thực tiễn hội nhập khu vực hiện nay khi liên kết liên quốc gia không hoàn toàn dựa vào việc quốc gia thuộc châu lục nào (Thổ Nhĩ Kỳ với EU, Australia và New Zealand với Đông Á). Một cách xác định khác coi khu vực là một tập hợp các quốc gia nằm trong một vùng đặc thù về địa lý [1, tr. 590]. Tuy nhiên, yếu tố địa lý nào làm nên khu vực? Địa hình, khí hậu hay yếu tố khác? Các yếu tố này đóng góp thế nào cho nhận thức về khu vực và sự hình thành chủ nghĩa khu vực? Trên thực tế, hầu hết khu vực hiện nay đều chứa đựng sự đa dạng về địa lý. Giữa các khu vực lại có nhiều điểm tương đồng về địa hình và khí hậu. Vì thế, câu hỏi trên vẫn chưa được trả lời. Mặc dù vẫn được sử dụng ít

⁽⁵⁾ Hugo. F. Reading, *A Dictionary of the Social Sciences* [1, tr. 305].

⁽⁶⁾ Hutchinson, *Concise Encyclopedic Dictionary* [1, tr. 305].

⁽⁷⁾ Hugo. F. Reading, *A Dictionary of the Social Sciences* [1, tr. 305].

nhiều nhưng những cách trên tỏ ra không hoàn toàn thích hợp với thực tiễn khu vực hiện nay.

Cách phân định khu vực thứ ba đang tỏ ra có sức sống hơn cả là dựa trên sự gần gũi về mặt địa lý (*Geographical proximity*). Sự gần gũi về địa lý là yếu tố quy định nên “khu vực” với tư cách là một không gian liên thể và tương đối thống nhất. Đó cũng là tiền đề tạo nên tính riêng của khu vực so với các nơi khác trên thế giới. Không có sự gần gũi về địa lý, sẽ không có khu vực và cũng không có chủ nghĩa khu vực. Sự gần gũi địa lý tạo nên cơ sở lịch sử của sự liên quan, gắn bó và phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia trong vùng. Đó cũng là môi trường chung, là nơi chứa đựng lợi ích chung và là yếu tố ràng buộc cuộc sống của các thành viên với nhau. Sự gần gũi địa lý còn có vai trò đối với các tiêu chí phân định khu vực khác dưới tác động địa-nhân văn, địa-văn hoá, địa-kinh tế và địa-chính trị. Từ đó, nó có khả năng ảnh hưởng đến sự cố kết và tính thống nhất giữa các quốc gia trong cùng khu vực. Ngoài ra, sự gần gũi địa lý cũng đem lại cho khu vực vai trò địa bàn và phạm vi của nhiều hiện tượng quốc tế liên quan đến khu vực. Đây là cơ sở không thể thiếu của khu vực. Điều này đã được chứng tỏ bởi hầu hết khu vực trên thế giới hiện nay đều được xây dựng trên sự gần gũi về địa lý. Nhìn chung, các học giả có sự nhất trí tương đối cao về vai trò của sự gần gũi địa lý với việc hình thành khu vực.

Tuy nhiên, sự vận dụng tiêu chí này không hoàn toàn thống nhất. Sự gần gũi là theo nghĩa hẹp như sự tiếp giáp lãnh thổ hay theo nghĩa rộng chỉ khoảng cách địa lý nhất định mà không nhất thiết phải tiếp giáp? Quan niệm phổ biến hiện nay thường theo nghĩa rộng khi coi khu vực gồm các quốc gia không chỉ liên kế mà còn ở gần nhau. Bởi thế, Philippines được coi là thuộc Đông Nam Á, còn Iceland thuộc về Tây Âu. Nhưng như thế

nào là sự gần gũi nhau địa lý thì khá mơ hồ trong thực tế vận dụng. Trong khu vực Đông Á, Nhật Bản và Mianmar không thể được coi là gần gũi nhau về mặt địa lý. Trong khi đó, Mianmar tiếp giáp với Ấn Độ nhưng lại không cùng khu vực Nam Á. Đôi với cái gọi là khu vực châu Á - Thái Bình Dương, sự thể lại còn đi xa hơn khi coi các nước Nam Mỹ như Chi Lê và các nước Đông Nam Á như Thái Lan cùng thuộc một khu vực. Thực ra, trong những trường hợp kể trên, việc xác định khu vực gồm những quốc gia nào không chỉ dựa vào mối sự gần gũi về địa lý.

Bất chấp những bất đồng và khó khăn trên, sự gần gũi trong phân bố địa lý giữa các quốc gia vẫn là tiêu chí cần thiết trong phân định khu vực. Nói đến khu vực là phải có sự gần gũi về mặt địa lý. Nhưng cũng rõ ràng, sự bất nhất trong quan niệm về tiêu chí gần gũi địa lý cho thấy đó không phải là tiêu chí duy nhất để xác định khu vực. Những vấn đề chưa được giải quyết đó dẫn đến việc tìm kiếm thêm các yếu tố phi địa lý.

Thứ hai, là tính thuần nhất (*homogeneity*) hay các tương đồng (*similarity*) về văn hoá - xã hội. Sự thuần nhất này được xác định bằng các nhân tố văn hoá - xã hội như chủng tộc, tôn giáo, ngôn ngữ và các giá trị văn hoá khác... Tiêu chí này mang tính lịch sử rõ rệt. Theo đó, quá trình sinh sống lâu đời bên nhau dẫn đến sự giao lưu giữa các cộng đồng gần kề nhau. Kết quả của sự giao lưu lịch sử đã tạo nên những tương đồng văn hoá - xã hội giữa các cộng đồng. Quá trình giao lưu dài lâu giúp tạo nên tính vững bền nhất định của các tương đồng văn hoá - xã hội. Các tương đồng này tạo nên bản sắc chung của khu vực và giúp phân biệt với các khu vực khác. Đến lượt mình, bản sắc tạo nên ý thức về khu vực, tình cảm cộng đồng và những cái “của chúng ta”. Trên cơ sở đó, ý thức về khu vực chung được hình thành. Tất cả những điều này đều có xu hướng thúc đẩy các quốc

gia trong khu vực hướng về nhau nhiều hơn, chủ nghĩa khu vực dễ hình thành và phát triển hơn. Và từ đó, khu vực cũng dễ được xác định hơn.

Những người theo Chủ nghĩa Kiến tạo xã hội (*Social Constructivism*) nhấn mạnh đến cơ sở văn hoá - xã hội của sự hình thành khu vực. Ví dụ, Peter J. Katzenstein cho rằng "việc thiết kế khu vực địa lý là không "thực", không "tự nhiên", và không "bản chất". Chúng được xây dựng về mặt xã hội, được tranh giành về mặt chính trị, cho nên là mở để thay đổi". [1, tr. 592] Một xu hướng khác liên quan đến nghiên cứu vùng văn hoá - xã hội và coi đó là khu vực của thế giới. Ví dụ, có quan niệm coi khối Thịnh vượng chung, Pháp và một số quốc gia nói tiếng Pháp ở Tây bắc Phi, hay nhóm Mỹ - Anh - Australia là những khu vực. Chúng tôi đồng ý rằng tiêu chí thuần nhất văn hoá - xã hội có thể xác định nên nhận thức khu vực và là một cơ sở của chủ nghĩa khu vực. Tuy nhiên, cách phân định như vậy vẫn chứa đựng những hạn chế nhất định. Thứ nhất, cách hiểu chỉ dựa trên yếu tố văn hoá - xã hội gần với cộng đồng văn hoá hơn là khu vực vốn rất đa diện. Rõ ràng, việc bỏ qua yếu tố địa lý là không ổn. Thứ hai, cách hiểu này mang tính siêu hình khi có xu hướng tập trung vào những tương đồng hình thành trong quá khứ để tạo nên bản sắc khu vực. Trong khi đó, bản sắc lại là cái hoàn toàn có thể hình thành trong cả hiện tại và tương lai. Thứ ba, cách hiểu này không tính đến những giao lưu văn hoá - xã hội đương đại giữa khu vực với bên ngoài trong bối cảnh quốc tế hoá, toàn cầu hoá hiện nay. Do vậy, nó đã không tính đến những giá trị mới và tương đồng mới vượt khỏi quy mô khu vực truyền thống.

Một số quan niệm hiện nay thường kết hợp tính thuần nhất văn hoá - xã hội với sự gần gũi địa lý và coi đây là hai tiêu chí cơ bản xác định nên khu vực. Tuy nhiên, cho dù có

kết hợp với địa lý thì tiêu chí này cũng không phải là trọn vẹn. Sự thuần nhất chỉ là tương đối, sự tương đồng chưa hẳn đã lấn át được sự dị biệt. Ví dụ, Đông Nam Á như đã biết, đó là khu vực đa sắc tộc, đa tôn giáo, đa văn hoá với nhiều khác biệt xã hội giữa các quốc gia. Thậm chí, giữa các nước Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo có sự khác nhau khá nhiều và khá lớn về văn hoá - xã hội. Trung Đông với người Arab và văn hoá Hồi giáo nhưng vẫn đầy ngoại lệ như Israel, Iran, Kurd, Thổ Nhĩ Kỳ,... Ngay cả châu Âu được coi là nơi thuần nhất hơn cả về văn hoá - xã hội nhưng mức độ tương đồng chưa hẳn là cao với sự hiện diện của nhiều tộc người, nhiều nền văn hoá từ German, Latin đến Slave. Ngoài ra, trong một số trường hợp, sự kết hợp hai yếu tố trên không nhất thiết dẫn đến khu vực. Ví dụ, Việt Nam tiếp giáp với Trung Quốc, có quan hệ lịch sử lâu đời với Trung Quốc, chịu ảnh hưởng nhiều của nền văn hoá - xã hội Trung Quốc nhiều hơn nhưng Việt Nam vẫn được coi là thuộc khu vực Đông Nam Á, còn Trung Quốc thì không. Những hạn chế trên đã hướng các học giả tìm kiếm thêm các tiêu chí khác. Đó là tiêu chí kinh tế, chính trị.

Thứ ba, đó là sự chia sẻ **kinh tế, chính trị**. Tiêu chí này xuất hiện muộn hơn và là kết quả của sự phát triển quan hệ quốc tế. Đây là cách xác định khu vực dựa trên sự chia sẻ giữa các thành viên nhiều hơn là phạm vi không gian của khu vực, dựa trên các yếu tố phi địa lý nhiều hơn là yếu tố địa lý. Trong nghiên cứu quốc tế, việc áp dụng riêng rẽ tiêu chí kinh tế và chính trị là khá phổ biến. Theo đó, sự hiện diện nhiều hơn và tập trung hơn của các dòng kinh tế liên quốc gia trong một phạm vi không gian nào đó có thể được coi là sự hình thành nên khu vực kinh tế. Một số dấu hiệu kinh tế khác cũng được vận dụng như tỉ trọng thương mại hay đầu tư nội vùng cao hơn so với bên ngoài, quá trình xây dựng

thể chế kinh tế khu vực hay sự phối hợp chính sách kinh tế, và nhất là sự tồn tại hiệp định ưu đãi thương mại (PTA),... Trong chính trị, cũng có thể căn cứ vào các mục tiêu chính trị và sự lựa chọn chính sách của quốc gia theo hướng ưu tiên hơn đối với vùng nào đó để quy thành khu vực. Chính trị gắn với địa lý tạo nên khu vực địa-chính trị. Một số dấu hiệu chính trị khác cũng được áp dụng như thể chế khu vực, phối hợp chính sách, cố gắng xây dựng cộng đồng an ninh-chính trị chung,...

Cho dù áp dụng riêng rẽ nhưng cả hai cách phân định này đều dựa trên mức độ liên hệ giữa các thành viên trong khu vực. Đây là điều rất có ý nghĩa đối với chủ nghĩa khu vực và sự cố kết khu vực. Mức độ liên hệ là rất quan trọng bởi nó có thể làm tăng hay giảm sự cố kết khu vực, có thể mở rộng hay thu hẹp khuôn khổ khu vực đang tồn tại. Và từ đó có thể thay đổi quan niệm khu vực. Tuy nhiên, đôi khi cách phân định này đã đi xa đến mức bỏ qua sự gắn gũi về địa lý. Theo đó, những nơi có chứa đựng lợi ích kinh tế hay chính trị thiết thân thì đều được coi là khu vực mà không nhất thiết phải có sự gần gũi địa lý. Ví dụ, một số học giả như Karl Deutsch, Joseph Nye, Kym Anderson, Hege Norheim cho rằng có thể dựa vào sự chia sẻ các liên hệ kinh tế và chính trị bên cạnh văn hoá - xã hội trong khi chưa xác định được tiêu chí địa lý rõ ràng.

Cũng dựa trên sự chia sẻ kinh tế và chính trị, có cách xác định khu vực giữa trên sự đồng nhất tương đối về đặc điểm hơn là mức độ liên hệ giữa các thành viên khu vực. Ví dụ, sự tương đồng kinh tế có thể được xác định bằng các nhân tố như mức độ phát triển kinh tế, sự hiện diện của khối thương mại chung, thị trường chung, chính sách thương mại ưu đãi và những khả năng của của hội nhập kinh tế. Trong khi đó, sự tương đồng về chính trị có thể dựa trên kiểu dạng nhà nước hay hệ

thống chính trị, sự đồng chủ trương phối hợp trong chính sách đối ngoại, xu hướng xây dựng thể chế hay khối chính trị,...[2, tr. 472-473]. Một ví dụ thực tiễn khác là việc EU thường xuyên yêu cầu các nước từ Bồ Đào Nha, Hi Lạp cho tới các nước Đông Âu gần đây phải cải cách dân chủ trong nước như điều kiện tham gia. Hay Brazil và Argentina đã đòi Paraguay phải cải cách dân chủ trước khi gia nhập MERCOSUR. Tuy nhiên, theo chúng tôi, nếu chỉ dựa vào mỗi tương đồng này thì không ổn. Mỹ, EU và Nhật Bản có nhiều điểm tương đồng khá cao về kinh tế song khó mà coi đó là khu vực được. Hay sự tồn tại hai phe trong Chiến tranh lạnh có thể coi đó là khu vực XHCN và khu vực TBCN không? Các đặc điểm tương đồng như trên thực ra đóng vai trò điều kiện hơn là nhân tố dẫn đến sự hình thành khu vực. Chúng giúp tìm hiểu khả năng hình thành khu vực hơn là xác định một khu vực đang tồn tại.

Trong phân định khu vực, có lẽ nên dựa nhiều hơn vào mức độ liên hệ giữa các thành viên cả về kinh tế lẫn chính trị. Theo đó, nội dung khu vực bao hàm cả sự liên hệ kinh tế tăng lên với sự ưu tiên chính sách đối ngoại. Cách xác định khu vực này dựa trên quan điểm lợi ích kinh tế và chính trị đều là những lợi ích cơ bản của quốc gia. Sự gia tăng hợp tác kinh tế và ưu tiên chính trị phản ánh nhu cầu liên kết với nhau và tạo ra sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia trong vùng. Các liên hệ kinh tế hay chính trị ngày càng sâu sắc trong vùng địa lý nào đó sẽ làm tăng giá trị chung được chia sẻ và dẫn đến sự xác định phạm vi không gian lợi ích quan trọng theo khu vực. Đó chính là nhận thức về khu vực. Ý thức về khu vực lợi ích thiết thân này quay trở lại tác động đến sự hình thành chủ nghĩa khu vực. Qua đó, nhận thức khu vực càng được củng cố, khả năng cố kết khu vực càng tăng lên. Qua đó, khu vực được hình thành.

Ưu điểm của cách xác định khu vực này tỏ ra tương đối thích hợp với thực tiễn chủ nghĩa khu vực hiện nay. Kinh tế và chính trị chính là hai động lực mạnh mẽ nhất thúc đẩy liên kết hiện nay, trong đó có liên kết khu vực. Hai tiêu chí này làm cho khu vực có vẻ “thật” hơn là các quan niệm khu vực khác. Hơn nữa, hai tiêu chí này phản ánh được “tính động” của khu vực. Chúng có khả năng tạo nên sự mở rộng khu vực chứ không bó hẹp trong khuôn khổ địa lý và tương đồng văn hoá - xã hội. EU đang mở rộng từ Tây Âu sang Đông Âu, Đông Á đang hình thành từ Đông Nam Á và Đông Bắc Á, các cố gắng xây dựng FTA toàn châu Mỹ,... Đó là những ví dụ cho thấy khu vực hoàn toàn có thể thay đổi bởi nhân tố kinh tế và chính trị. Tuy nhiên, nếu chỉ đơn thuần dựa vào các tiêu chí này thì không giải thích được sự liên hệ kinh tế chính trị diễn ra mạnh mẽ trên thế giới nhưng khu vực không nhất thiết được hình thành. Ví dụ, Mỹ và Israel khó có thể coi là cùng khu vực cho dù sự liên hệ kinh tế chính trị giữa chúng khá toàn diện và sâu sắc. Việc coi nhẹ tiêu chí địa lý và tương đồng văn hoá - xã hội chính là điểm yếu của cách phân định này.

2. Một số nhận xét

Từ các trình bày ở trên về tiêu chí, chúng ta có thể rút ra một số nhận xét về vấn đề phân định khu vực như sau:

+ Thuật ngữ “khu vực” xuất phát đầu tiên từ góc độ địa lý. Dần dần, nó được bổ sung thêm một số nội dung thuộc lĩnh vực khác như văn hoá, xã hội, chính trị và kinh tế. Về đại thể, đứng từ góc độ nghiên cứu quốc tế, khu vực là một khái niệm để chỉ một phần không gian của thế giới bao gồm một số quốc gia trên đó. Khu vực chứa đựng những đặc điểm riêng giúp phân biệt được với các phần khác của thế giới. Không chỉ có vậy, khu vực

còn được xác định bởi mức độ liên hệ đáng kể giữa các thành viên, giúp tạo nên sự thống nhất tương đối cũng như khả năng cố kết khu vực. Hai điểm trên tạo nên “tính riêng” của khu vực so với các phần khác của thế giới. Khu vực được hình thành và tồn tại trên cơ sở như vậy.

Với cách hiểu về khu vực như trên, khu vực (*region*) và vùng (*area*) không hoàn toàn đồng nhất với nhau, ít nhất là trong nghiên cứu quốc tế. Khu vực là một tập hợp các quốc gia trong khi vùng không nhất thiết phải là như vậy. Khu vực có biên giới rõ ràng hơn dọc theo biên giới ngoài của quốc gia, còn biên giới vùng thường không rõ ràng bằng khi có thể chỉ gồm những phần lãnh thổ nhất định của các quốc gia. Khu vực được xây dựng cả trên sự tương đồng và quan tâm rất nhiều tới mức độ liên hệ giữa các thành viên, trong khi vùng chủ yếu dựa vào sự tương đồng. Khu vực có tính đa diện hơn bởi bao hàm nhiều lĩnh vực quan hệ khác nhau, còn vùng thường tập trung vào lĩnh vực nào đó tuỳ theo mục đích nghiên cứu⁽⁸⁾. Nhìn chung, vùng là khái niệm lỏng lẻo hơn so với khu vực. Bởi thế, cũng tồn tại sự khác biệt giữa nghiên cứu khu vực (*Regional Studies*) là một đối tượng trong nghiên cứu quốc tế với nghiên cứu vùng (*Area Studies*) là một phương pháp nghiên cứu nhiều hơn là một môn học.

+ Như vậy, có lẽ cách xác định khu vực nghiêm ngặt nhất là dựa trên cả bốn tiêu chí địa lý, văn hoá - xã hội, kinh tế và chính trị. Tất cả các tiêu chí này đều có thể làm thay đổi quan niệm về khu vực. Sự kết hợp bốn tiêu chí giúp có được khu vực theo nghĩa đầy đủ

(8) Ví dụ, khu vực Đông Nam Á với 10 quốc gia thành viên ASEAN rõ ràng có sự khác biệt với vùng văn hoá lúa nước, các vùng tôn giáo Phật giáo và Hồi giáo, vùng chịu ảnh hưởng văn hoá Trung Hoa hay Ấn Độ, vùng kinh tế-xã hội hải đảo hay lục địa, tiểu vùng kinh tế sông Mê Kông,... ở Đông Nam Á.

nhất có thể. Bốn tiêu chí phản ánh bốn phương diện của khu vực và từ đó là các góc độ tiếp cận khác nhau. Sự kết hợp các góc độ tiếp cận giúp đánh giá tương đối toàn diện sự vận động của khu vực cũng như các hiện tượng quốc tế liên quan đến khu vực.

Tuy nhiên, trong thực tế, do sự thiếu rõ ràng của tiêu chí nào đó nên vẫn tồn tại việc phân định khu vực dựa trên sự kết hợp một số tiêu chí nào đó mà không phải là tất cả. Thậm chí, tùy từng mục đích nghiên cứu khác nhau, người ta có thể chỉ vận dụng riêng rẽ từng tiêu chí như khu vực địa lý, khu vực kinh tế hay khu vực chính trị. Bên cạnh đó, cũng do thực tiễn rất đa dạng và các tiêu chí đều có thể thay đổi nên cũng có sự khá linh hoạt đối với mức độ của từng tiêu chí trong việc phân định khu vực.

Những điều trên phản ánh được thực tế lòng lẻo của khu vực nhưng lại góp phần dẫn đến sự khác nhau trong quan niệm về khu vực. Trong quan hệ quốc tế, sự khác nhau có thể xuất phát từ tính toán lợi ích khác nhau, nhưng cũng có thể do hệ tiêu chí phân định khu vực khác nhau, do đánh giá mức độ liên hệ trong từng tiêu chí khác nhau. Vì thế, thông qua quan niệm khu vực khác nhau, có thể đánh giá được phần nào lợi ích, nhận thức và động thái khu vực của các đối tác quan hệ.

+ Khu vực được hình thành từ cả điều kiện vật chất lẫn các yếu tố tinh thần. Khu vực là một khái niệm có tính vật chất với những biểu hiện cụ thể như đất đai, hệ sinh thái và con người. Nó bao gồm các thực thể chính trị là quốc gia có lãnh thổ, dân cư và nhà nước. Nó gắn liền với các điều kiện không gian nhất định có thuộc tính vật chất, nhất là sự gắn gũi về địa lý giữa các quốc gia. Khuôn khổ khu vực hay được vẽ theo biên giới tự nhiên, hoặc biên giới quốc gia cũng đều là những điều kiện vật chất.

Nhưng khu vực cũng là sản phẩm mang tính tinh thần. Khu vực và khuôn khổ khu vực là do con người nhận thức và quy ước với nhau chứ không phải tự nhiên sinh ra. Khu vực có thể hình thành bởi tư tưởng, tình cảm khu vực hay nhận thức về nhu cầu liên kết giữa các nước gần nhau. Khu vực tồn tại hay thay đổi cũng phụ thuộc vào nhận thức. Trong nhiều trường hợp, chủ nghĩa khu vực của các nước đã giúp định hình khu vực chứ không phải ngược lại. Các tiêu chí phân định khu vực xuất phát từ nhận thức con người. Tiêu chí và đặc điểm khu vực cũng do con người lựa chọn tùy theo mục đích của con người. Trong từng tiêu chí, đều tồn tại đồng thời khía cạnh tinh thần bên cạnh khía cạnh vật chất. Ví dụ, hoàn cảnh tự nhiên với nhận thức về khuôn khổ khu vực, văn hoá vật chất và văn hoá tinh thần, hội nhập kinh tế và nhận thức về mức độ cố kết, thực tiễn quan hệ chính trị với kỳ vọng về cộng đồng khu vực,...

Như vậy, trong chừng mực nào đó, khu vực cũng là một sự xây dựng về mặt nhận thức [1, tr. 304]. Trong bản chất của khu vực, có cả hai phương diện vật chất và tinh thần. Điều này càng cho thấy tính đa diện trong quan niệm và tính đa dạng trong thực tiễn của hiện tượng khu vực.

+ Khu vực không phải là bất biến. Có nhiều yếu tố quy định khả năng thay đổi của khu vực. Là sản phẩm của nhận thức, khu vực hoàn toàn có thể thay đổi bởi sự thay đổi của nhận thức. Tư tưởng, tình cảm và nhận thức thay đổi dẫn đến sự thay đổi khuôn khổ và tiêu chí phân định khu vực. Là khái niệm được xác định bởi nhiều yếu tố có khả năng biến đổi, khu vực thường bị co giãn bởi sự vận động không ngừng của các tiêu chí này. Trong đó, kinh tế và chính trị vốn dễ thay đổi nhất nên hay dẫn đến yêu cầu phân định lại khu vực. Ngay yếu tố địa lý khó thay đổi nhất cũng không phải là bất biến. Sự thay đổi

biên giới quốc gia – vốn hay được dựa vào để xác định khuôn khổ khu vực – cũng đã từng thay đổi khá nhiều trong lịch sử.

Là tập hợp của các quốc gia, khuôn khổ khu vực còn bị chi phối bởi sự phát triển của quốc gia và quan hệ quốc tế. Quá trình phát triển của quốc gia đã làm tăng lợi ích quốc gia ở bên ngoài, làm thay đổi không gian sinh sống về mọi mặt, mở rộng thế giới quan và thúc đẩy quan hệ giữa các quốc gia gần kề nhau. Quá trình này không chỉ dẫn đến sự thay đổi trong nhận thức và nhu cầu đối với khu vực. Nó còn kéo theo sự thay đổi trong quy mô tương tác, mức độ liên hệ và khả năng cố kết giữa các thành viên khu vực. Khuôn khổ khu vực cũng biến đổi cùng với sự vận động của quan hệ quốc tế. Quan hệ quốc tế phát triển không chỉ tạo thuận lợi cho quá trình trên mà còn đem lại những tác động từ bên ngoài vào trong quá trình hình thành khu vực. Trong một số trường hợp, khu vực được hình thành từ áp lực bên ngoài nhiều hơn là bởi các tác nhân từ bên trong. Nhiều tổ chức khu vực được hình thành nhưng hoạt động nội khối chưa cao chính là bởi nguyên nhân từ quan hệ quốc tế.

Tất cả những điều này đã khiến khu vực có tính khả biến. Lịch sử đã cho thấy sự biến động của khu vực là một thực tế có trong mọi thời gian. Đến thời hiện đại, sự biến động này càng tăng lên. Sự chống lấn các khuôn khổ khu vực hiện nay cho thấy thực tiễn khu vực hoá đang vượt khỏi các quan niệm truyền thống về khu vực. Bởi thế, cần có cái nhìn biện chứng trong nghiên cứu khu vực.

+ Khu vực có tính mở. Khu vực là một phần của thế giới chứ không phải là phần tách rời hay riêng biệt. Các tiêu chí hình thành nên khu vực có sự vận động theo hướng mở rộng. Bất chấp sự phản kháng thường xuyên với tính mở, xu hướng mở rộng không gian văn hoá, xã hội, kinh tế và chính trị của khu vực vẫn không thể bị ngăn

cản. Không gian văn hoá mở rộng bởi sự giao lưu và phát tán văn hoá, không gian xã hội mở rộng bởi sự di cư, không gian kinh tế mở rộng bởi nền kinh tế thị trường và không gian chính trị mở rộng bởi sự tác động từ môi trường an ninh - chính trị bên ngoài. Đây là quá trình diễn ra thường xuyên trong lịch sử và trở nên mạnh mẽ hơn bắt đầu từ thời cận đại. Trong đó, động lực bên trong quy định tính mở của khu vực chính là xu hướng mở rộng lợi ích quốc gia ra bên ngoài. Mọi quốc gia đều bắt đầu quan hệ với các quốc gia lân bang, sau mở rộng dần ra, vượt khỏi châu lục và tiến tới quy mô toàn cầu. Cùng với đó, nhận thức và quan niệm về khuôn khổ khu vực cũng được mở rộng theo.

Hơn thế nữa, tính mở của khu vực hiện nay còn chịu chi phối rất lớn bởi những thế lực và tác động từ bên ngoài. Quan hệ với các nước lớn luôn chiếm vị trí quan trọng trong quan hệ khu vực. Chúng tạo áp lực cho tính mở của khu vực. Chính các nước lớn là những nước đi đầu trong việc vượt khỏi khuôn khổ khu vực và phát triển quan hệ liên khu vực. Hiện nay, việc quốc gia liên kết với bên ngoài nhiều hơn bên trong khu vực là phổ biến. Trong khi đó, sự phụ thuộc lẫn nhau và các vấn đề quốc tế liên quan ngày càng nhiều buộc lợi ích quốc gia phải kéo dài ra ngoài khu vực. Sự phụ thuộc lẫn nhau của quốc gia không chỉ diễn ra trong quy mô khu vực mà là trên một phạm vi ngày càng rộng hơn. Sự phát triển quan hệ quốc tế buộc hoạt động quốc gia không thể bó hẹp trong phạm vi khu vực. Quy luật phát triển quan hệ quốc tế chính là một động lực quy định tính mở của khu vực. Thực tế cho thấy, chủ nghĩa khu vực hiện nay chủ yếu là chủ nghĩa khu vực mở.

Như vậy, tính mở của khu vực được quy định bởi cả hai quá trình lịch sử và hiện tại, chịu chi phối bởi cả hai luồng tác động từ bên trong và bên ngoài. Thực tế hiện nay cho thấy, khu vực đang được mở theo nhiều

hướng khác nhau dẫn đến sự chông chéo các khu vực được quan niệm. Bởi thế, thật khó tách rời khu vực ra khỏi môi trường thế giới, nhất là trong bối cảnh hiện nay.

+ Mọi sự xác định khu vực chỉ là tương đối, ít nhất là cho đến tương lai gần. Như các nhận xét trên đã chỉ ra, phân định khu vực chịu tác động bởi các yếu tố tinh thần, khu vực không phải là bất biến và có tính mở nên hoàn toàn có khả năng biến đổi. Ngoài ra, còn có hai lý do quan trọng để đi đến nhận xét này. Thứ nhất, khu vực dù hội nhập hay khu vực hoá đến đâu thì còn lâu mới thay thế được quốc gia. Thế giới vẫn bị chia rẽ thành các quốc gia. Quốc gia vẫn tiếp tục là chủ thể quan hệ quốc tế cơ bản và rất khó bị thay thế bởi thể chế khu vực nào đó. Lợi ích chung khu vực vẫn dựa vào sự hài hoà với lợi ích quốc gia. Sự hình thành khu vực và sự cố kết khu vực vẫn phụ thuộc vào ý chí và quan niệm của các quốc gia. Quốc gia quyết định khu vực và sự cố kết khu vực hơn là sự tự thân của khu vực.

Thứ hai, sự phân định khu vực đang gặp phải thách thức rất lớn từ quốc tế hoá, toàn cầu hoá và các lực lượng toàn cầu. Sự tập trung vào khu vực có vẻ như đang nổi lên nhưng thực ra nó mang trong mình tính hai mặt rất rõ. Là phản ứng đối với quốc tế hoá và toàn cầu hoá, nó làm tăng ý thức và bản sắc về khu vực, làm tăng nhu cầu đối với liên kết khu vực. Là bước chuẩn bị tham gia toàn cầu hoá, nó làm giảm tính khu vực và có xu hướng xoá nhoà ranh giới khu vực. Sự đấu tranh giữa hai quá trình này làm tăng sự dao động trong quan hệ quốc tế khu vực, ảnh hưởng đáng kể đến khả năng cố kết khu vực. Nếu hiện tượng liên khu vực trở thành khu vực (liên khu vực Đông Á - Mỹ trở thành khu vực châu Á - Thái Bình Dương) là phản ánh của xu hướng đầu thì hiện tượng khu vực trở thành tiểu khu vực (Đông Nam Á trở thành tiểu khu vực của Đông Á) lại là biểu hiện của

xu hướng sau. Quan niệm về chủ nghĩa khu vực mới đã phân biệt với chủ nghĩa khu vực cũ chính bởi các tác động từ toàn cầu hoá [3, tr. 22].

Trong tương lai gần, khu vực vẫn chỉ là sự cố kết tương đối. Điều này có ý nghĩa quan trọng đối với việc đánh giá vai trò và triển vọng khu vực đối với quốc gia và thế giới. Đồng thời, ý nghĩa tương đối của khu vực cũng cho thấy, vai trò của quốc gia, quan hệ song phương, quan hệ liên khu vực và các quan hệ có tính toàn cầu vẫn không thể bỏ qua trong nghiên cứu khu vực dưới góc độ quốc tế.

Tóm lại, việc phân định khu vực là rất quan trọng trong nghiên cứu quốc tế. Tuy nhiên, cho đến nay, quan niệm về khu vực vẫn chưa phải thống nhất. Điều này không chỉ được phản ánh trong sự khác nhau về hệ tiêu chí, về mức độ của từng tiêu chí và về vận dụng trong thực tiễn. Vì thế, đã có những cố gắng phân chia khu vực thành các loại hình khác nhau. Ví dụ, phân chia thành tiểu khu vực (*Sub-region*), khu vực (*Region*) và liên khu vực (*Inter-region*). Cách phân chia khác là khu vực nhỏ (*Micro-region*), khu vực lớn (*Macro-region*) và khu vực siêu lớn (*Mega-region*).

Nguyên nhân chủ yếu của sự khác nhau trong phân định khu vực không phải chỉ bởi quan niệm khác nhau. Sự khác nhau này còn xuất phát từ các lý do thực tiễn. So với quốc gia và thế giới, khu vực kém bền vững hơn. Khu vực được xác định bởi quốc gia và thế giới hơn là ngược lại. Khu vực vẫn tiếp tục chịu sự chi phối bởi quốc gia và tác động từ môi trường quốc tế. Điều này có thể thấy được cả trong lịch sử lẫn hiện tại, đặc biệt là trong bối cảnh hiện nay. Bởi thế, khu vực chỉ là một khái niệm có tính tương đối.

Trong nghiên cứu khu vực, có thể cần lưu ý một số điểm sau: Khu vực là một hiện tượng đa diện được xây dựng trên nhiều

phương diện khác nhau. Vì thế, khu vực nên được xem xét một cách toàn diện. Khu vực là một dạng quan niệm và hoàn toàn có thể thay đổi. Vì thế, khu vực cần được nhìn nhận một cách biện chứng. Khu vực là tập hợp quốc gia và là một phần của thế giới. Vì thế, nghiên cứu khu vực khó mà tách khỏi nghiên cứu quốc gia và nghiên cứu quốc tế.

Tài liệu tham khảo

- [1] A. Hasnan Habib, Defining the "Asia Pacific Region", *The Indonesian Quarterly*, Vol. XXIII, No. 4, 1995.
- [2] Edward D. Mansfield, Helen V. Milner, The New Wave of Regionalism, *International Organization*, Vol. 53, No. 3, Summer 1999, The Massachusetts Institute of Technology Press.
- [3] Graham Evans, Jeffrey Newham, *The Penguin Dictionary of International Relations*, Penguin Books, London, 1998.

Determination of region in international studies

Hoang Khac Nam

*Department of International Studies, College of Social Sciences and Humanities,
Vietnam National University, Hanoi, 336 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam*

Region is the terminology that has been used in both international and domestic context. Determining region has important significance in methodology and practice. However, the concept of region has been quite different in international studies. The differences are in both system of criterions and content of each of them.

In clarifying the terminology of region, the article examines main four criterions of determination region such as geographical proximity, social-cultural homogeneity, economic and political interaction. From this, strong and weak points of each criterion are shown and analyzed.

The article also draws some comment on determination of region. Firstly, there is comment on terminology of region. Secondly, there is comment on system of criterions in determining region. Thirdly, region is established by both physical and mental conditions. Fourthly, region is variable in thinking and reality. Fifthly, region is open. Sixthly, almost determining region is relative.

In conclusion, the article emphasizes the importance of determining region in international studies. The article also gives recommendations on regional studies in international studies.